

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PCI  
PCI GROUP  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0258 / CBTT-PC1  
No: 0258 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024  
Hanoi, March 30 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
To: *The State Securities Commission*  
*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PCI

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: [cbtt@pcigroup.vn](mailto:cbtt@pcigroup.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC 2023 / *The Audited Separate Financial statements and Consolidated Financial statements for the year 2023 and the explanation of the fluctuation of profit after tax on the financial statements of 2023.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày

30 /03/2024 tại đường dẫn: <http://pcigroup.vn> /*This information was published on the company's website on 30 /03/2024, as in the link <http://pcigroup.vn>*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. */We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức**  
*Organization representative*  
**Người được ủy quyền CBTT**  
*Person authorised to disclose information*



**Hoàng Văn Sáng**





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100745 ngày 19 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 19 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 18 Lý Văn Phúc  
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

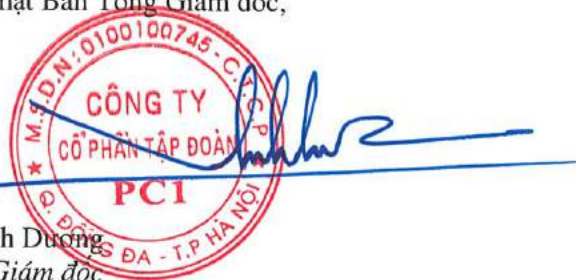
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



The image shows a red circular official stamp of PC1 Corporation. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0100100745 - C. K. P. B.", "CÔNG TY", "CƠ PHÁN TẬP ĐOÀN", "PC1", and "Đ. Đ. Đ. S. Đ. A - T. P. H. A. N. O. I.". A blue ink signature is written across the stamp.

Vũ Ánh Dương  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00132-24-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.189.024.415.102</b>	<b>4.751.057.995.296</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.028.714.838.590</b>	<b>1.681.934.406.899</b>
Tiền	111		63.214.838.590	16.934.406.899
Các khoản tương đương tiền	112		965.500.000.000	1.665.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>103.601.176.833</b>	<b>172.848.897.548</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	103.601.176.833	172.848.897.548
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.699.908.243.725</b>	<b>2.569.352.921.562</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.173.050.006.858	1.884.327.840.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	186.723.471.407	189.688.812.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	106.051.103.451	307.154.252.902
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	239.267.535.790	193.715.889.515
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.183.873.781)	(5.533.873.781)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>311.768.058.448</b>	<b>278.591.915.964</b>
Hàng tồn kho	141		311.768.058.448	278.591.915.964
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.032.097.506</b>	<b>48.329.853.323</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.226.020.397	1.216.590.029
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.806.077.109	47.113.263.294
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.562.961.437.568</b>	<b>7.713.453.245.889</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.030.219.276.770</b>	<b>2.154.173.907.592</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.028.766.131.425	2.152.329.841.848
Nguyên giá	222		2.754.805.467.253	2.743.969.150.568
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(726.039.335.828)	(591.639.308.720)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.453.145.345	1.844.065.744
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.778.134.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.253.324.655)	(934.068.256)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>71.353.081.680</b>	<b>164.564.664.335</b>
Nguyên giá	231		122.374.213.687	211.710.738.395
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(51.021.132.007)	(47.146.074.060)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>11.236.636.566</b>	<b>7.859.555.020</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	11.236.636.566	7.859.555.020

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>5.394.292.289.878</b>	<b>5.316.208.640.939</b>
Đầu tư vào công ty con	251		3.789.927.776.619	3.780.023.737.061
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.603.148.756.168	1.534.748.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.606.012.909)	(3.385.622.290)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>55.860.152.674</b>	<b>70.646.478.003</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	55.860.152.674	70.646.478.003
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>10.751.985.852.670</b>	<b>12.464.511.241.185</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>5.816.145.114.858</b>	<b>7.571.689.071.746</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.796.978.332.971</b>	<b>4.572.245.665.637</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	806.198.113.402	1.027.783.835.592
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	101.802.829.495	296.844.924.883
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	19	5.968.392.864	66.601.153.610
Phải trả người lao động	314		6.624.695.061	7.457.277.117
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	48.628.917.361	187.195.114.723
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		853.018.181	500.728.365
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	20.020.281.837	14.892.412.156
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.661.054.422.237	2.862.060.337.867
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	145.827.662.533	108.909.881.324
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.019.166.781.887</b>	<b>2.999.443.406.109</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.521.414.720	2.302.745.180
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	3.017.645.367.167	2.992.770.508.866
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	4.370.152.063

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>4.935.840.737.812</b>	<b>4.892.822.169.439</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>4.935.840.737.812</b>	<b>4.892.822.169.439</b>
Vốn cổ phần	411	25	3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		246.973.837.431	213.577.792.672
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		803.142.319.053	1.199.145.355.439
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		693.331.661.162	534.909.460.264
- LNST năm nay	421b		109.810.657.891	664.235.895.175
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>10.751.985.852.670</b>	<b>12.464.511.241.185</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
 Kế toán trưởng



CÔNG TY  
 CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
**PCI**  
 ĐỒNG ĐÀO - HÀ NỘI

Vũ Anh Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>3.790.979.619.231</b>	<b>6.447.679.569.839</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>3.460.991.018.935</b>	<b>5.428.387.294.571</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>329.988.600.296</b>	<b>1.019.292.275.268</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	323.834.150.750	187.683.514.396
Chi phí tài chính	22	31	405.693.467.939	320.857.828.375
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		398.692.084.043	307.826.610.177
Chi phí bán hàng	25	32	11.814.435.240	9.066.412.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	111.524.903.120	109.448.112.782
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>124.789.944.747</b>	<b>767.603.435.676</b>
Thu nhập khác	31	34	6.876.836.031	14.144.111.080
Chi phí khác	32	35	5.134.936.255	8.431.981.474
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.741.899.776</b>	<b>5.712.129.606</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>126.531.844.523</b>	<b>773.315.565.282</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>37</b>	<b>13.831.186.632</b>	<b>105.394.670.107</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>112.700.657.891</b>	<b>667.920.895.175</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>126.531.844.523</b>	<b>773.315.565.282</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	145.652.200.321	136.409.422.776
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	03	(4.499.761.444)	(503.450.903)
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(720.218.410)	316.790.666
Chi phí lãi vay	05	(331.990.579.492)	(181.798.025.163)
	06	403.426.097.784	310.937.814.499
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>338.399.583.282</b>	<b>1.038.678.117.157</b>
Biến động các khoản phải thu	09	757.277.635.862	76.101.870.476
Biến động hàng tồn kho	10	(33.176.142.484)	(45.207.943.077)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(506.117.344.370)	(447.110.619.834)
Biến động chi phí trả trước	12	12.776.894.961	(21.149.285.522)
		<b>569.160.627.251</b>	<b>601.312.139.200</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(405.663.106.136)	(301.926.832.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.914.836.273)	(51.352.345.098)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.238.308.309)	(37.125.567.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>65.344.376.533</b>	<b>210.907.394.146</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(42.570.543.550)	(199.099.993.171)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	94.415.954.168	1.768.527.274
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(274.431.176.833)	(467.263.490.736)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	510.485.029.848	351.609.718.257
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(83.318.723.000)	(1.874.636.864.391)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.472.376.468	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	229.271.672.625	139.508.216.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>462.324.589.726</b>	<b>(2.048.113.886.215)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	3.575.161.737.136	6.676.759.562.957
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.756.026.808.206)	(4.516.506.024.901)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.180.865.071.070)</b>	<b>2.160.253.538.056</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(653.196.104.811)</b>	<b>323.047.045.987</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.681.934.406.899	1.358.886.612.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.463.498)	748.831
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>1.028.714.838.590</b>	<b>1.681.934.406.899</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

M.S.D.N.: 0160100745 - C.T.C.P.  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
PCI  
Q. FONG DA - TP. HA NOI

Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

## Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2023: 23 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 252 nhân viên (1/1/2023: 270 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

04:  
T  
M H  
M C

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### *Chi phí bảo hành*

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng đã hoàn thành. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

### (m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### (n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (o) Doanh thu và thu nhập khác

#### (i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

### (s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	376.221.504	987.855.716
Tiền gửi ngân hàng	62.838.617.086	15.946.551.183
Các khoản tương đương tiền (*)	965.500.000.000	1.665.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,3% – 4,2%/năm (1/1/2023: 4,6% – 6,0%/năm).

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	103.601.176.833	172.848.897.548

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,4% – 3,0%/năm (1/1/2023: từ 1,0% – 5,0%/năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	31/12/2023		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> <li>Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")</li> <li>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</li> <li>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc</li> <li>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</li> <li>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông</li> <li>Công ty TNHH MTV PCI Năng Hường</li> <li>Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")</li> <li>Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</li> <li>Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu</li> <li>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình</li> <li>Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam</li> <li>Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình</li> <li>Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm</li> <li>Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc</li> <li>Công ty Cổ phần Thương mại Dầu tư Tiến Bộ</li> <li>Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập</li> <li>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy</li> <li>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên</li> <li>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ</li> <li>Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát</li> <li>Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm</li> <li>Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại</li> <li>Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là "PCI Global Trading Pte. Ltd.")</li> </ul>	<p>Hà Nội</p> <p>TP Hồ Chí Minh</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Điện Biên</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p> <p>Cao Bằng</p> <p>Cao Bằng</p> <p>Hà Nội</p> <p>Quảng Trị</p> <p>Quảng Trị</p> <p>Quảng Trị</p> <p>Hà Nội</p> <p>Cao Bằng</p> <p>Cao Bằng</p> <p>Hà Nội</p> <p>Singapore</p>	<p>66,00%</p> <p>100,00%</p> <p>100,00%</p> <p>100,00%</p> <p>100,00%</p> <p>100,00%</p> <p>66,00%</p> <p>90,00%</p> <p>60,00%</p> <p>99,39%</p> <p>51,00%</p> <p>99,83%</p> <p>99,90%</p> <p>51,00%</p> <p>99,95%</p> <p>55,54%</p> <p>54,70%</p> <p>54,73%</p> <p>51,00%</p> <p>57,27%</p> <p>60,00%</p> <p>99,75%</p> <p>100,00%</p>	<p>3.519.064.933</p> <p>25.000.000.000</p> <p>10.236.009.597</p> <p>30.000.000.000</p> <p>5.942.874.315</p> <p>725.509.851</p> <p>3.566.251.625</p> <p>28.832.168.426</p> <p>151.200.000.000</p> <p>102.338.000.000</p> <p>2.550.000.000</p> <p>184.005.518.217</p> <p>33.966.000.000</p> <p>141.693.000.000</p> <p>154.145.058.545</p> <p>409.614.856.402</p> <p>412.426.000.000</p> <p>412.479.556.800</p> <p>1.876.851.000</p> <p>477.590.600.000</p> <p>27.600.000.000</p> <p>311.652.469.517</p> <p>140.950.895.451</p>	<p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p> <p>-</p>	<p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p> <p>(*)</p>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2023

	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (**)</li> <li>• Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (***)</li> <li>• PC1 Australia Pty Ltd (****)</li> </ul>	Hải Phòng Hải Phòng Australia	99,00% 70,00% 100,00%	9.800.000.000 703.098.368.940 5.118.723.000	- - -	(*) (*) (*)
			3.789.927.776.619	-	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công ty liên kết</li> <li>• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng</li> <li>• Công ty Cổ phần Dầu tư Bất động sản CT2</li> <li>• Công ty Cổ phần Western Pacific</li> <li>• Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình (*****)</li> </ul>	Cao Bằng Hà Nội TP Hồ Chí Minh Bà Rịa-Vũng Tàu	25,09% 49,00% 30,08% 36,00%	124.748.756.168 300.000.000.000 1.110.000.000.000 68.400.000.000	- - - -	(*) (*) (*) (*)
			1.603.148.756.168	-	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đơn vị khác</li> <li>• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon</li> <li>• Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam</li> </ul>	Hải Dương Hà Nội	10,00% 0,00115%	4.000.000.000 821.770.000	(3.606.012.909) -	(*) 2.534.386.400
			4.821.770.000	(3.606.012.909)	
			5.397.898.302.787	(3.606.012.909)	



## Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
		Địa chỉ		
• Công ty con				
• Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỹ")	Hà Nội	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	(*)
• Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	(*)
• Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	Hà Nội	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	(*)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quang Trị	55,54%	409.614.856.402	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quang Trị	54,70%	412.426.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quang Trị	54,73%	412.479.556.800	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	(*)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	(*)
• Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là "PCI Global Trading Pte. Ltd.")	Singapore	100,00%	844.049.264.391	(*)
			3.780.023.737.061	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2023

	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Western Pacific	TP Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
			1.534.748.756.168	-	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.385.622.290)	(*)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.254.085.600
			4.821.770.000	(3.385.622.290)	
			5.319.594.263.229	(3.385.622.290)	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn 9.800.000.000 VND vào công ty con, Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 99%.
- (\*\*\*) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ 70% vốn góp của Asia Dragon Trading Pte. Ltd. tại Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng.
- (\*\*\*\*) Ngày 23 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 211.500 Đô la Mỹ (tương đương 5.118.723.000 VND) vốn vào công ty con, PC1 Australia Pty Ltd với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 100%.
- (\*\*\*\*\*) Ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu để có tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 36%.

Tại ngày cuối năm, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được thế chấp để bảo đảm cho khoản trái phiếu của Công ty (Thuyết minh 22(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	152.899.801.367	19.215.144.250
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	87.194.855.067	181.157.744.624
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	79.296.269.106	67.422.966.473
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	76.016.197.514	82.986.303.726
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	50.000.000.000	758.952.550.730
Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	-	58.770.070.370
Các khách hàng khác	727.642.883.804	715.823.060.713
	1.173.050.006.858	1.884.327.840.886

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	39.158.249.697	3.839.201.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	13.370.427.122	-
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	9.333.451.788	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	6.760.812.315	7.721.940.599
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	5.484.987.785	-
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”)	4.072.935.897	466.283.010
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”)	1.288.102.959	2.143.980.924
Các công ty con cấp 1 khác	1.128.959.654	385.239.654
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	42.514.545.634	54.229.220.042
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	2.823.371.338	72.653.933
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	866.995.535	866.995.535
	126.802.839.724	69.725.514.697

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	18.460.974.653	5.102.136.673
Công ty Cổ phần Năng lượng Bào Lâm	1.450.662.595	-
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	7.463.270.654	7.448.266.854
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	4.736.092.878	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	3.291.288.384	6.655.451.501
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	17.877.622.227	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng	-	21.216.637.391
Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ	2.310.575.267	10.113.842.440
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông Nam	306.466.024	9.576.910.449
Các nhà cung cấp khác	34.837.678.243	33.586.726.250
	<hr/> <b>186.723.471.407</b>	<hr/> <b>189.688.812.040</b> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	50.000.000.000	78.246.218.878
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	5.160.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	25.800.065.445
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	70.959.512.949
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	70.959.512.950
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	5.000.000.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn Cầu (trước đây là “Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1”)	2.588.410.051	2.886.249.280
	106.051.103.451	307.154.252.902

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 9,0%/năm (1/1/2023: từ 4,0% đến 6,5%/năm).

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	94.595.296.236	138.153.857.564
Tạm ứng cho nhân viên	23.681.808.392	10.060.161.689
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	102.912.151.561	32.479.615.863
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	9.168.117.522	9.354.208.120
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Ký cược, ký quỹ	5.570.850.000	268.380.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	240.552.334	259.555.654
Phải thu khác	528.571.855	569.922.735
	239.267.535.790	193.715.889.515

(\*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	23.567.885.989	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	17.819.655.000	3.563.931.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	17.326.005.843	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Miền Bắc	14.702.758.871	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	14.626.338.660	9.226.338.660
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.094.900.000	5.094.900.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	1.660.708.651	1.673.415.782
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	1.377.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	918.000.000	306.000.000
Các công ty con cấp 1 khác	-	6.796.131.874
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	4.763.941.605	4.763.941.605
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	1.054.956.942	1.054.956.942
	102.912.151.561	32.479.615.863
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	1.050.345.205	304.109.589
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	151.232.877	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	272.516.395
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	983.171.263
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	983.171.263
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	-	61.890.411
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	6.451.778.458	2.563.512.033
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	89.424.658	113.424.658
	7.742.781.198	5.281.795.612
	110.654.932.759	37.761.411.475

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2023			1/1/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1) Trần Nhung (Đội xây lắp số 3) Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn Tổng Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Các khách hàng khác	Trên 3 năm Trên 3 năm Trên 3 năm Trên 3 năm Trên 3 năm	418.555.690 2.151.632.200 2.049.842.044 - 563.843.847	(418.555.690) (2.151.632.200) (2.049.842.044) - (563.843.847)	- - - - -	Trên 3 năm Trên 3 năm Trên 3 năm Từ 2 đến dưới 3 năm Trên 3 năm	418.555.690 2.151.632.200 2.049.842.044 500.000.000 563.843.847	(418.555.690) (2.151.632.200) (2.049.842.044) (350.000.000) (563.843.847)	- - - 150.000.000 -
		<u>5.183.873.781</u>	<u>(5.183.873.781)</u>	<u>-</u>		<u>5.683.873.781</u>	<u>(5.533.873.781)</u>	<u>150.000.000</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (5.183.873.781)

(5.533.873.781)



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	672.055.967	-	4.190.190.203	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	239.876.318.816	-	271.866.487.415	-
Hàng hóa	71.219.683.665	-	2.535.238.346	-
	<b>311.768.058.448</b>	<b>-</b>	<b>278.591.915.964</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b><i>Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp:</i></b>		
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	34.710.041.195	30.166.322.460
Gói 9 Cung cấp VTTB Trạm biến áp Công trình: Xây dựng mới Trạm 220/110kV Thanh Xuân	28.812.671.821	-
Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	26.799.806.529	27.159.635.475
Mua sắm thiết bị Nhất thứ Dự án: Cải tạo trạm biến áp 110kV Nhật Bản (A2.0)	17.249.731.245	-
Gói 8 Thi công khoan rô bốt và phần xây dựng hầm cáp mương cáp Dự án: Cáp ngầm 220kV Tao Đàn - Tân Cảng	10.902.776.523	-
Gói 9 CC xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị TBA 110kV KCN Công Xanh và ĐZ đầu nối tỉnh Bình Dương	1.590.340.753	14.428.907.373
HD 2022 Gói 6 Cung cấp xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị ĐZ 110kV đầu nối LSP Long Sơn	155.595.807	43.463.085.064
Các công trình, dự án khác	109.171.571.663	146.653.107.950
<b><i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i></b>		
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5 - CT2 và G8 - CT3)	7.494.996.417	7.491.426.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.596.191.784	2.410.618.176
<b><i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i></b>	<b>392.595.079</b>	<b>93.384.500</b>
	<b>239.876.318.816</b>	<b>271.866.487.415</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.332.328.271.354	1.235.843.352.719	163.016.426.109	11.770.225.176	1.010.875.210	2.743.969.150.568
Tăng trong năm	952.499.342	4.316.978.110	681.818.182	8.695.108.253	137.500.000	14.783.903.887
Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán dự án Thanh lý	(4.339.349.286)	1.224.353.158	1.553.511.922 (1.930.285.714)	- (455.817.282)	- -	(1.561.484.206) (2.386.102.996)
Số dư cuối năm	1.328.941.421.410	1.241.384.683.987	163.321.470.499	20.009.516.147	1.148.375.210	2.754.805.467.253
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	232.092.176.736	276.291.256.770	74.306.017.202	7.998.172.137	951.685.875	591.639.308.720
Khấu hao trong năm	47.783.125.500	70.536.484.708	16.567.711.193 (1.930.285.714)	1.708.741.145 (301.326.732)	35.577.008	136.631.639.554 (2.231.612.446)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	279.875.302.236	346.827.741.478	88.943.442.681	9.405.586.550	987.262.883	726.039.335.828
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.100.236.094.618	959.552.095.949	88.710.408.907	3.772.053.039	59.189.335	2.152.329.841.848
Số dư cuối năm	1.049.066.119.174	894.556.942.509	74.378.027.818	10.603.929.597	161.112.327	2.028.766.131.425

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản có nguyên giá 28.922 triệu VND (1/1/2023: 29.153 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.922.173 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 22(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	1.670.064.000	2.778.134.000
Giảm khác	-	(71.664.000)	(71.664.000)
Số dư cuối năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	934.068.256	934.068.256
Khấu hao trong năm	-	339.832.797	339.832.797
Giảm khác	-	(20.576.398)	(20.576.398)
Số dư cuối năm	-	1.253.324.655	1.253.324.655
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	735.995.744	1.844.065.744
Số dư cuối năm	1.108.070.000	345.075.345	1.453.145.345

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCCI Hà Đông Complex VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza 2 VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	85.886.865.376	211.710.738.395
Nhượng bán	-	-	(3.449.659.332)	(85.886.865.376)	(89.336.524.708)
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	20.819.861.638	-	122.374.213.687
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.899.271.736	35.064.149.865	6.316.724.613	865.927.846	47.146.074.060
Khấu hao trong năm	398.779.182	4.372.488.545	966.244.305	2.943.215.938	8.680.727.970
Nhượng bán	-	-	(996.526.239)	(3.809.143.784)	(4.805.670.023)
Số dư cuối năm	5.298.050.918	39.436.638.410	6.286.442.679	-	51.021.132.007
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	6.177.253.439	55.413.677.009	17.952.796.357	85.020.937.530	164.564.664.335
Số dư cuối năm	5.778.474.257	51.041.188.464	14.533.418.959	-	71.353.081.680

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.859.555.020	3.104.884.127
Tăng trong năm	9.805.195.381	140.842.136.261
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(41.324.721.447)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(85.886.865.376)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.040.000.000)
Biến động khác	(6.428.113.835)	(7.835.878.545)
Số dư cuối năm	11.236.636.566	7.859.555.020



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.394.364.008	6.338.298.405	33.398.784.819	28.515.030.771	70.646.478.003
Tăng trong năm	1.996.719.340	9.080.531.093	-	10.543.153.422	21.620.403.855
Phân bổ trong năm	(2.244.975.119)	(5.262.667.387)	(604.662.885)	(22.957.865.285)	(31.070.170.676)
Điều chỉnh khác	-	-	(5.336.558.508)	-	(5.336.558.508)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.146.108.229</b>	<b>10.156.162.111</b>	<b>27.457.563.426</b>	<b>16.100.318.908</b>	<b>55.860.152.674</b>

(\*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
		<b>30.737.470.307</b>

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.062.815.271 VND.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	107.080.793.198	121.246.453.021
Siemens Energy Limited Company	96.229.903.174	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Nam	86.432.400.016	141.177.753.552
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	73.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	26.694.392.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	-	88.085.345.260
Phải trả các đối tượng khác	442.535.017.014	650.579.890.846
	<b>806.198.113.402</b>	<b>1.027.783.835.592</b>

**(b) Phải trả người bán là bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	107.080.793.198	121.246.453.021
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	86.432.400.016	141.177.753.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	72.827.824.100	9.659.047.242
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”)	55.883.121.985	19.501.812.125
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”)	34.402.085.687	52.958.253.387
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	5.032.534.430	5.187.209.775
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	2.126.951.535	10.999.999.999
Các công ty con cấp 1 khác	1.422.686.558	5.945.456.998
<b>Công ty con cấp 2</b>		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	-	7.945.184.200
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1- Mỹ Đình	-	3.441.613.026
	<b>365.208.397.509</b>	<b>378.062.783.325</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	4.561.937.571	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	11.766.678.443
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	4.082.901.061
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	2.203.165.757
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific	-	87.260.088.143
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	71.515.453.438
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị Powerchina (Lao) Sole Co., Ltd	31.214.189.119	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	19.166.033.051	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.276.601.310	13.712.814.748
Ban Quản lý Dự án lưới Điện Thành phố Hồ Chí Minh	-	83.740.909.091
Các khách hàng khác	-	14.258.152.880
	8.068.615.006	8.304.761.322
	101.802.829.495	296.844.924.883



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.720.903.822	42.026.286.895	(47.241.813.802)	1.505.376.915
Thuế xuất nhập khẩu	-	559.093.585	(559.093.585)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.973.200.329	13.831.186.632	(67.914.836.273)	1.889.550.688
Thuế thu nhập cá nhân	107.487.838	6.146.704.635	(6.078.398.816)	175.793.657
Thuế tài nguyên	1.404.951.745	24.000.087.258	(24.543.881.167)	861.157.836
Thuế nhà đất	-	2.430.880.618	(2.430.880.618)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.394.609.876	15.679.317.384	(16.537.413.494)	1.536.513.768
	66.601.153.610	104.673.557.009	(165.306.317.755)	5.968.392.864

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	45.043.797.444	53.873.727.957
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	1.212.852.084	121.923.110.882
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện đã hoàn thành	-	9.058.565.288
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	2.372.267.833	2.339.710.596
	48.628.917.361	187.195.114.723

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	10.452.528.500	8.593.620.080
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	958.027.395	961.753.395
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.836.378.546	940.220.886
Kinh phí công đoàn	142.761.278	87.422.438
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.630.586.118	4.309.395.357
	<hr/>	<hr/>
	20.020.281.837	14.892.412.156

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1</b>		
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	735.885.330	323.661.843
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	2.932.887.935	836.339.989
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	6.553.618.249	7.433.618.248
	<hr/>	<hr/>
	10.222.391.514	8.593.620.080

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	2.766.612.337.867	3.257.572.892.576	(4.593.178.808.206)	1.431.006.422.237		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	95.448.000.000	230.048.000.000	(95.448.000.000)	230.048.000.000		
	2.862.060.337.867	3.487.620.892.576	(4.688.626.808.206)	1.661.054.422.237		

Handwritten signature and stamp in red ink at the bottom right of the page.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	115.608.041.597	138.893.055.823
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	283.545.093.202	436.326.026.864
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	114.459.443.366	147.823.804.361
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	436.540.705.500	1.128.879.617.792
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	227.759.337.190	562.870.172.288
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	80.641.120.535	240.898.438.134
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	4.853.534.209	110.921.222.605
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	114.007.847.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	53.591.299.638	-
	<b>1.431.006.422.237</b>	<b>2.766.612.337.867</b>

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 7,5 tháng và không có tài sản bảo đảm.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	2.063.793.603.649	1.909.052.759.089
Trái phiếu thường (ii)	1.183.899.763.518	1.179.165.749.777
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(230.048.000.000)	(95.448.000.000)
	<b>3.017.645.367.167</b>	<b>2.992.770.508.866</b>

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	98.000.000.000	111.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	72.850.371.918	10.350.371.918
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	VND	4,5%	2025	Không có tài sản bảo đảm	5.088.844.560	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tiên Bộ	VND	4,8%	2027	Không có tài sản bảo đảm	120.000.000.000	-
<b>Các bên khác</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	386.968.395.700	428.768.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	310.709.898.607	346.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(**)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	305.034.568.179	335.082.568.179
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	(**)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	148.000.000.000	160.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	364.929.000.713	364.929.000.713
Cá nhân	VND	6,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	-
					<b>2.063.793.603.649</b>	<b>1.909.052.759.089</b>

Khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản có hữu hình có giá trị còn lại là 1.922.173 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Cá nhân cho Công ty vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.
- (\*\*) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

**(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Trái phiếu phát hành theo mệnh giá</b>				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(16.100.236.482)	(20.834.250.223)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.183.899.763.518	1.179.165.749.777

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu (Thuyết minh 5(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	108.909.881.324	101.549.681.225
Trích lập trong năm	66.792.089.518	40.800.767.447
Sử dụng trong năm	(29.874.308.309)	(33.440.567.348)
Số dư cuối năm	145.827.662.533	108.909.881.324

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	2.351.596.490.000	711.136.556.786	198.031.531.421	64.632.444.542	943.990.018.962	4.269.387.041.711
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	667.920.895.175	667.920.895.175
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.546.261.251	-	(15.546.261.251)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(40.800.767.447)	(40.800.767.447)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	352.733.530.000	-	-	-	(352.733.530.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.685.000.000)	(3.685.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	2.704.330.020.000	711.136.556.786	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.700.657.891	112.700.657.891
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.396.044.759	-	(33.396.044.759)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(66.792.089.518)	(66.792.089.518)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	405.625.560.000	-	-	-	(405.625.560.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	803.142.319.053	4.935.840.737.812

11/11/2023 14:30

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2022: cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 352.733.530.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	3.712.799.231	3.496.698.529
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	18.563.996.155	13.909.003.732
	22.276.795.386	17.405.702.261

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	178.053	4.274.435.111	4.343	101.445.379
Kíp Lào	602.363	409.607	-	-

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.169.009.766.484	4.854.526.840.501
Doanh thu chuyên nhượng bất động sản đầu tư	100.039.819.705	-
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.832.984.097	15.707.706.635
Doanh thu bán điện	338.713.808.232	561.234.446.403
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.041.561.887.275	997.290.682.752
Doanh thu khác	118.821.353.438	18.919.893.548
	3.790.979.619.231	6.447.679.569.839

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.033.012.963.919	4.191.575.895.434
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư	84.695.154.685	-
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	11.089.354.334	8.596.993.313
Giá vốn bán điện	203.999.473.339	235.910.477.629
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.021.975.499.702	973.894.784.944
Giá vốn khác	106.218.572.956	18.409.143.251
	<hr/> 3.460.991.018.935	<hr/> 5.428.387.294.571 <hr/>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	50.776.000.762	71.792.620.826
Cổ tức, lợi nhuận được chia	257.645.284.871	110.099.019.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	839.999.506	2.830.471.307
Lãi do chuyển nhượng vốn	7.617.693.026	275.400.561
Lãi bán hàng trả chậm	6.234.954.175	2.686.001.940
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	720.218.410	-
	<hr/> 323.834.150.750	<hr/> 187.683.514.396 <hr/>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	398.692.084.043	307.826.610.177
Chi phí phát hành trái phiếu	4.734.013.741	3.111.204.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	974.892.570	5.027.228.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	316.790.666
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	220.390.619	787.237.329
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	3.788.757.107
Chi phí tài chính khác	1.072.086.966	-
	<hr/> 405.693.467.939	<hr/> 320.857.828.375 <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí bán hàng**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.682.521.319	8.977.765.765
Chi phí bán hàng khác	131.913.921	88.647.066
	<hr/>	<hr/>
	11.814.435.240	9.066.412.831

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	4.271.107.968	5.205.936.617
Chi phí nhân công	61.686.946.798	68.575.204.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.226.378.620	4.897.877.330
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(350.000.000)	(1.290.688.232)
Thuế, phí, lệ phí	1.437.126.759	2.098.728.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.613.197.475	20.781.365.613
Chi phí khác bằng tiền	8.640.145.500	9.179.688.348
	<hr/>	<hr/>
	111.524.903.120	109.448.112.782

**34. Thu nhập khác**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	4.370.152.063	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	442.635.813	1.528.180.500
Thu nhập khác	2.064.048.155	12.615.930.580
	<hr/>	<hr/>
	6.876.836.031	14.144.111.080

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Các khoản phạt	5.048.326.330	8.431.956.850
Chi phí khác	86.609.925	24.624
	<hr/>	<hr/>
	5.134.936.255	8.431.981.474

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	471.631.195.880	1.450.635.354.250
Chi phí nhân công	73.342.802.676	83.285.760.651
Chi phí khấu hao tài sản và phân bổ	145.652.200.321	136.409.422.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.753.736.297.437	2.963.129.518.952
Chi phí khác	39.055.417.559	54.255.440.297
	<hr/>	<hr/>
	2.483.417.913.873	4.687.715.496.926

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.076.724.021	105.122.351.228
Dự phòng thiếu trong những năm trước	11.754.462.611	272.318.879
	<hr/>	<hr/>
	13.831.186.632	105.394.670.107

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.531.844.523	773.315.565.282
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.306.368.905	154.663.113.056
Chi phí không được khấu trừ thuế	978.598.702	1.860.707.277
Thu nhập không bị tính thuế	(51.529.056.974)	(22.019.803.952)
Ưu đãi thuế	-	(28.453.314.127)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(10.449.674.349)	-
Ảnh hưởng thuế liên quan đến chi phí lãi vay vượt mức 30% theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP	35.616.625.260	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	2.153.862.477	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	11.754.462.611	272.318.879
Khác	-	(928.351.026)
	<b>13.831.186.632</b>	<b>105.394.670.107</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	178.083.126.300	35.616.625.260	-	-
Lỗi tính thuế	10.769.312.383	2.153.862.477	-	-
	<b>188.852.438.683</b>	<b>37.770.487.737</b>	-	-

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này có hiệu lực như sau:

Năm cuối cùng còn hiệu lực	Tình hình quyết toán	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong các năm sau VND
2028	Chưa quyết toán	178.083.126.300

Lỗi tính thuế có hiệu lực như sau:

Năm cuối cùng còn hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	10.769.312.383

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty con cấp 1</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	7.992.471.987	1.306.652.790
Mua dịch vụ xây lắp	319.929.264.163	334.583.134.744
Lợi nhuận được chia	-	2.500.000.000
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	-	6.760.812.315
<b>Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")</b>		
Doanh thu cho thuê	340.106.090	340.106.091
Doanh thu bán hàng hóa	8.792.661.838	10.820.817.222
Mua dịch vụ xây lắp	195.371.575.363	160.887.786.997
Lợi nhuận được chia	-	500.000.000
Chuyển nhượng vốn	1.480.935.067	-
<b>Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	79.740.000
Mua dịch vụ xây lắp	16.811.375.046	70.496.755.825
Lợi nhuận được chia	14.626.338.660	9.226.338.660
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	18.300.943.404	7.299.071.777
Doanh thu cho thuê	553.373.100	553.373.100
Mua dịch vụ xây lắp	251.305.696.765	240.363.894.246
Lợi nhuận được chia	-	1.121.546.065
Góp vốn	-	15.000.000.000
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	-	10.275.400.561
Chi phí lãi trả chậm	96.178.940	66.877.756
<b>Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương</b>		
Doanh thu cho thuê	1.499.163.684	1.619.987.095
Mua hàng hóa	1.981.288.700	2.084.108.406
Lợi nhuận được chia	1.870.104.537	-
Mua dịch vụ	953.927.927	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”)</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	8.606.581.962	11.651.695.000
Lãi chậm trả	37.928.794	-
Mua dịch vụ xây lắp	106.751.698.138	183.134.560.075
Chi phí lãi vay trả chậm	118.726.800	-
Lợi nhuận được chia	-	500.000.000
Chuyển nhượng vốn	1.433.748.375	-
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc</b>		
Doanh thu dịch vụ	-	2.704.574.899
Mua dịch vụ xây lắp	1.799.686.972	58.501.618.517
Cổ tức được chia	-	1.023.600.960
Chi phí lãi trả chậm	718.784.008	693.106.470
<b>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông</b>		
Doanh thu cho thuê	-	79.637.771
Mua dịch vụ xây lắp	756.085.812	23.530.554.558
Mua tài sản cố định	2.125.302.487	-
Mua công cụ dụng cụ	181.523.050	-
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu</b>		
Doanh thu cho thuê	123.082.134	67.526.580
Cổ tức được chia	26.397.234.000	40.200.000.000
<b>Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam</b>		
Doanh thu cho thuê	231.709.092	231.709.092
Cổ tức được chia	1.377.000.000	433.500.000
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình</b>		
Vay	62.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	412.223.487	323.661.843
Cổ tức được chia	17.819.655.000	3.563.931.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình</b>		
Doanh thu cho thuê	95.301.816	95.301.816
Cổ tức được chia	-	29.817.000.000
<b>Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm</b>		
Lãi cho vay	455.753.425	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.066.652.787	35.484.488.638
Cổ tức được chia	-	5.094.900.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc</b>		
Doanh thu dịch vụ tư vấn	-	2.712.000.000
Doanh thu cho thuê	88.555.554	-
Cổ tức được chia	14.702.758.871	11.678.975.272
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	64.720.521.806
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	396.607.314	-
Doanh thu từ thanh lý tài sản	61.000.000	-
Cho vay	-	12.372.900.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	386.693.454	878.291.130
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>328.486.804</i>	<i>776.301.450</i>
Cổ tức được chia	13.245.018.859	-
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	48.488.593.431
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.607.314	-
Cho vay	-	17.489.339.150
Lãi cho vay và lãi trả chậm	1.085.320.052	3.622.333.766
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.106.168.445</i>	<i>3.315.223.748</i>
Cổ tức được chia	55.327.225.294	-
<b>Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	76.564.842.774
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	396.607.314	-
Cho vay	-	17.489.339.150
Lãi cho vay và lãi trả chậm	1.408.008.583	3.622.333.767
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.161.243.228</i>	<i>3.315.223.749</i>
Cổ tức được chia	55.361.949.650	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ</b>		
Mua tài sản cố định	2.720.161.500	-
Lãi cho vay	-	61.890.411
Mua hàng hóa	77.486.247.425	45.871.931.580
Cổ tức được chia	918.000.000	306.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát</b>		
Cho vay	-	21.000.000.000
Doanh thu cho thuê	178.036.368	-
Doanh thu dịch vụ	103.647.013.729	-
Lãi cho vay	8.632.344.358	6.008.097.379
<i>Bao gồm lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>6.307.269.431</i>	<i>4.772.496.378</i>
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	3.347.112.037
Góp vốn	-	130.587.600.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ</b>		
Cho vay	-	22.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.169.556.165
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	790.227.273
Lãi cho vay	879.999.999	378.520.548
<b>Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	3.441.745.063
Vay	30.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.096.547.946	3.989.178.082
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.078.692.394	-
Doanh thu cho thuê	33.000.000	-
Cho vay	6.000.000.000	15.000.000.000
Lãi cho vay	746.235.616	304.109.589
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	15.840.000.000	-
Chuyển nhượng vốn	17.940.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng</b>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.922.269.249	-
Cổ tức được chia	56.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.422.958.730	-
Doanh thu cho thuê	197.777.778	-
Góp vốn	9.800.000.000	-
<b>PC1 Australia Pty Ltd</b>		
Góp vốn	5.118.723.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty con cấp 2</b>		
<i>Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>		
Lãi cho vay	937.069.883	2.029.319.669
Lãi trả chậm	2.951.196.542	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	55.620.000
Mua hàng hóa	479.248.888	13.134.589.797
Doanh thu bán tài sản cố định	-	540.909.091
<i>Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	1.509.140.126	4.751.438.417
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	6.185.406.158
Mua dịch vụ xây lắp	7.894.289.627	84.646.130.205
Thoái vốn	-	10.549.569.422
Chi phí lãi trả chậm	138.397.218	102.385.565
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình</i>		
Doanh thu cho thuê	-	66.049.030
Doanh thu bán hàng hóa	5.277.954.237	1.514.151.740
Mua dịch vụ xây lắp	21.564.080.309	10.050.141.303
Lãi cho vay	306.342.466	359.178.082
Lợi nhuận được chia	-	4.123.941.605
Thoái vốn	-	10.000.000.000
Bù trừ công nợ với khoản cho vay	5.000.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình</i>		
Mua cổ phần	68.400.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Trịnh Văn Tuấn	1.810.000.000	5.557.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	270.000.000	345.000.000
Ông Võ Hồng Quang	270.000.000	345.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	270.000.000	345.000.000
Ông Mai Lương Việt	270.000.000	345.000.000
<b>Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Vũ Ánh Dương	1.125.749.371	1.965.165.439
Ông Võ Hồng Quang	871.136.214	1.449.997.571
Ông Nguyễn Minh Đệ	1.180.868.000	1.131.850.000
Ông Đặng Quốc Trường	994.540.361	1.816.681.299
Ông Nguyễn Nhật Tân	878.279.634	1.130.577.650
Ông Vũ Văn Tứ	-	52.165.000
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	405.625.560.000	352.733.530.000
Lãi cho vay nhập gốc phải thu về cho vay	8.903.167.908	12.179.245.325
Tăng đầu tư vào công ty con thông qua bù trừ khoản phải thu	-	4.724.599.439
Tăng đầu tư vào một công ty con thông qua chuyển khoản đầu tư vào một công ty con khác	-	10.275.400.561
Bù trừ phải thu về cho vay và phải trả người bán	-	2.000.000.000
Bù trừ khoản người mua trả trước với khoản phải thu về cho vay	27.360.185.058	-
Góp vốn bằng khoản phải thu về cho vay	15.840.000.000	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng

Vũ Anh Dương  
Tổng Giám đốc

